

Bản án số: 252/2024/DS-PT
Ngày: 27 - 12 - 2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Đào Thị Thủy.

- ***Các Thẩm phán:*** Bà Lê Thị Thọ.

Ông Võ Hoàng Khải.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quang Đại - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 225/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1967.

Ông Lê Minh H, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1985. (Theo văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 7 năm 2023).

Địa chỉ: số G H, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Ông Lê Văn C, sinh năm 1984.

Bà Nguyễn Ngọc L (Nguyễn Thị L1), sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1982. (Theo văn

bản ủy quyền ngày 09 tháng 5 năm 2024).

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Lê Văn C và bà Nguyễn Ngọc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2023 nguyên đơn bà Phạm Thị Đ và ông Lê Minh H trình bày: Vào ngày 12/11/2019, vợ chồng ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị L1 (Nguyễn Ngọc L) có vay của bà Phạm Thị Đ và ông Lê Minh H số tiền 150.000.000^d, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, việc cho vay có làm biên nhận, có thỏa thuận miệng thời hạn thanh toán là 02 năm. Từ khi vay ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị L1 không trả vốn và lãi. Nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thanh toán tiền.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn trả số tiền còn nợ là 150.000.000^d và lãi suất quá hạn do chậm trả tính từ ngày 13/11/2019 đến khi xét xử là 1,67%/tháng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/3/2024 bị đơn ông Lê Văn C trình bày: Ông và vợ là Nguyễn Ngọc L (Nguyễn Thị L1) có vay tiền của bà Phạm Thị Đ, ông Lê Minh H nhưng cụ thể số tiền bao nhiêu thì ông không nhớ, vì việc vay tiền là do vợ ông tính toán rồi hỏi vay, nên vợ ông biết nhiều hơn. Nhưng vợ chồng có bàn bạc với nhau và thống nhất vay tiền. Việc vay tiền có làm biên nhận, vợ chồng ông có ký tên. Ông được biết bà Đ đi vay Ngân hàng N chi nhánh V về cho ông vay lại, bà Đ có kêu ông trả tiền thì trả trực tiếp cho Ngân hàng. Ông có đi trả trực tiếp cho Ngân hàng khoảng 02 lần, không nhớ rõ bao nhiêu tiền. Ông có giữ biên lai thu tiền của Ngân hàng. Ông sẽ nộp cho Tòa án trong thời hạn 15 ngày, nếu không nộp xem như ông không có trả. Vợ ông trực tiếp trả cho bà Đ 01 lần không nhớ bao nhiêu tiền, bà Đ không làm biên nhận. Nay bà Đ khởi kiện để ông xem lại ông còn nợ bao nhiêu thì ông trả.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/5/2024 bị đơn bà Nguyễn Ngọc L trình bày: Vào năm 2019 chồng bà là Lê Văn C có vay tiền của bà Đ và ông H. Số tiền vay 150.000.000^d, số tiền này bà Đ và ông H vay Ngân hàng N về chia lại cho chồng bà, chồng bà trả lãi theo lãi suất Ngân hàng. Đến giữa năm 2020 thì bà mới biết cụ thể số tiền vay. Thời điểm này vợ chồng bà và bà Đ có thỏa thuận với nhau. Bà Đ còn nợ bà 100.000.000^d thì trừ vào số tiền chồng bà nợ. Bà Đ thống nhất nhưng yêu cầu vợ chồng bà làm giấy tờ để bà Đ về nói cho ông H biết. Nên bà đồng ý làm giấy, bà xác định biên nhận là do chồng bà viết, vợ chồng bà ký

tên. Lúc cho vay bà Đ và ông H có kêu chồng bà trực tiếp trả gốc và lãi cho Ngân hàng nên vợ chồng bà có trả được 02 lần gốc, lần đầu 15.000.000^d, lần 02 số tiền 10.000.000^d vào ngày 06/3/2024. Ngoài ra bà còn trả lãi tại Ngân hàng 5.000.000^d. Bà sẽ cung cấp phiếu thu của Ngân hàng cho Tòa án chậm nhất là vào ngày xét xử lần hai (ngày 10/5/2024). Trường hợp không cung cấp được bà hoàn toàn chịu trách nhiệm. Việc các bên thỏa thuận chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ. Ngoài ra bà còn trả lãi cho bà Đ số tiền 5.000.000^d, bà trả trực tiếp cho bà Đ nhưng bà Đ không có làm biên nhận.

Về số tiền bà Đ còn nợ bà là 100.000.000^d, do bà không biết rõ thủ tục nên sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử bà mới gửi bản khai và yêu cầu bà Đ trả. Nay bà đã được Thẩm phán giải thích bà thống nhất và không có ý kiến gì. Bà sẽ khởi kiện riêng.

Nay bà Đ yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền vay 150.000.000^d và lãi bà yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà Đ và ông Huy T lại số tiền bà Đ nợ bà 100.000.000^d, số tiền vợ chồng bà đã trả Ngân hàng thay cho bà Đ 25.000.000^d. Vợ chồng tôi chỉ còn nợ bà Đ 25.000.000^d, bà đồng ý trả 25.000.000^d và trả lãi theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Đ và ông Lê Minh H thống nhất trừ lại 25.000.000^d nợ gốc mà bà Nguyễn Ngọc L và ông Lê Văn C đã trả trực tiếp tại Ngân hàng và yêu cầu tính lãi từ ngày 13/11/2019 theo mức lãi suất 1,67%/tháng.

Đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn C và bà Nguyễn Ngọc L không thống nhất yêu cầu của nguyên đơn. Chỉ thống nhất về số tiền gốc bà Nguyễn Ngọc L và ông Lê Văn C đã trả cho Ngân hàng là 25.000.000^d về số tiền bà Nguyễn Ngọc L trình bày có đóng lãi 02 lần 10.000.000^d do không có chứng cứ chứng minh nên đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Ngọc L và ông Lê Văn C không có yêu cầu. Đại diện của ông Lê Văn C và bà Nguyễn Ngọc L yêu cầu trừ lại số tiền 100.000.000^d tiền nợ theo biên nhận và 25.000.000^d đã trả cho Ngân hàng vào nợ gốc. Còn lại 25.000.000^d tính lãi theo mức 10%/năm. Thời điểm tính lãi từ ngày Tòa án thụ lý do trong giấy nhận nợ không có thỏa thuận thời hạn trả nợ và ông Lê Minh H và bà Phạm Thị Đ không báo trước cho ông Lê Văn C và bà Nguyễn Ngọc L về thời hạn trả nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 05/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ và ông Lê Minh H. Buộc ông Lê Văn C và bà Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Đ và ông Lê Minh H số tiền vốn và lãi là 181.820.417^d (Một trăm tám mươi một triệu tám trăm hai chục ngàn bốn trăm mười bảy đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất do chậm trả đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/6/2024 ông C và bà L có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý trả số tiền đã vay 25.000.000^d và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn và đại diện ủy quyền của bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 01 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/6/2024, ông C và bà L có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn và đại diện ủy quyền của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử.

[2]. Xét kháng cáo của ông Lê Văn C và bà Nguyễn Ngọc L:

[2.1]. Nguyên đơn Lê Minh H và bị đơn ông C và bà L thống nhất ngày 12/11/2019 vợ chồng ông C đã mượn của ông H số tiền là 150.000.000^d, các bên có làm biên nhận nợ và có chữ ký của các bên. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc L cho rằng có trả vốn trực tiếp tại Ngân hàng số tiền 25.000.000^d trả lãi tại Ngân hàng 5.000.000^d, tổng cộng trả trực tiếp tại Ngân hàng 30.000.000^d và trả cho bà Phạm Thị Đ 5.000.000^d. Tuy nhiên bà L và ông C không cung cấp được giấy tờ chứng

minh về số tiền đã trả cho Ngân hàng. Về số tiền trả trực tiếp cho bà Phạm Thị Đ thì không có làm giấy tờ nhưng cũng không được bà Phạm Thị Đ thừa nhận. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn thừa nhận số tiền mà các bị đơn có trả cho Ngân hàng là 25.000.000^d, do đó số tiền này sẽ được khấu trừ vào số tiền đã vay, còn lại 125.000.000^d các bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông C và bà L trả số tiền nợ gốc là 125.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

[2.2]. Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc L cho rằng năm 2015 bà có cho bà Đ vay số tiền 100.000.000^d nên đề nghị khấu trừ vào số tiền nợ trên, nay chỉ đồng ý trả 25.000.000^d. Xét thấy yêu cầu bù trừ nghĩa vụ trên của bà L là yêu cầu phản tố theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên do bà Nguyễn Ngọc L yêu cầu sau khi Tòa án công khai chứng cứ và đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử nên Tòa án không thể thực hiện các thủ tục để bà thực hiện quyền yêu cầu phản tố theo quy định và yêu cầu này của bà Nguyễn Ngọc L cũng không được phía nguyên đơn chấp nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự không xem xét giải quyết yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Ngọc L trong cùng vụ án này và dành quyền khởi kiện bà Nguyễn Ngọc L thành vụ kiện khác là phù hợp.

[2.3]. Về lãi suất: Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không thể hiện cụ thể mức lãi suất và thời hạn thanh toán tiền lãi. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *... Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ.* Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”*, tức lãi suất tương đương 10%/năm. Cụ thể như sau:

Ngày 13/11/2019 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 05/6/2024 là 04 năm 06 tháng 23 ngày $\times 125.000.000^d \times 10\%/năm = 56.820.417^d$.

[3]. Từ những nhận định trên, xét thấy bị đơn bà Nguyễn Ngọc L và ông Lê Văn C kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn bà Nguyễn Ngọc L và ông Lê Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc L và ông Lê Văn C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Áp dụng:

- Các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ và ông Lê Minh H. Buộc ông Lê Văn C và bà Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Đ và ông Lê Minh H số tiền đã vay là 181.820.417^d (trong đó 125.000.000^d tiền vốn và 56.820.417^d tiền lãi).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất do chậm trả đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn ông Lê Văn C và bà Nguyễn Ngọc L phải nộp số tiền 9.091.000^d (Chín triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng). Nguyên đơn bà Phạm Thị Đ và ông Lê Minh H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.380.250^d (Sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0008340, ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Vị Thủy. (Nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Văn C và bà Nguyễn Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được chuyển từ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông C và bà L đã nộp theo biên lai số 0008725 ngày 21/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đào Thị Thủy